

Mật Tạng Bộ 3 \_ No.1087 (Tr.211 \_ Tr.215)

## QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT DU GIÀ PHÁP YẾU \_MỘT QUYỀN\_

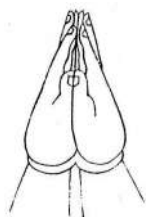
Hán dịch: Đại Đường, nước Thiên Trúc Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ dịch  
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta thuận DU GIÀ  
KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH nói  
MA NI LIÊN HOA BỘ  
NHƯ Ý NIỆM TỤNG PHÁP  
Vì tu **Tam Muội** (Samādhi) này  
Hay như **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara)

Trước tiên chọn đệ tử  
Thuộc **Tộc Tính** (Kula) kính **Pháp** (Dharma)  
Được nhiều người yêu kính  
Có Trí Tuệ, dũng tiến  
Quyết định **Tỳ ly gia** (Vīrya: Tinh tiến)  
Thường chẳng bỏ Giác Tuệ  
Hiếu thuận với cha mẹ  
Tĩnh tín nơi **Tam Bảo** (Tri-ratna)  
Vui tu **hạnh Bồ Đề** (Bodhi-caryā)  
Nơi bốn Tâm Vô lượng  
Sát na không gián đoạn  
Thường vui **Pháp Đại Thừa** (Mahā-yāna-dharma)  
Trụ ở Bồ Tát Giới  
Cúng kính **A Xà Lê** (Ācārye)  
Tất cả bậc **Thánh Giả** (Ārya)  
Thành tựu sức kiên cố  
Dũng mãnh của **trượng phu** (Puruṣa)  
Khéo thông Môn Tương Ứng  
Thường vui hạnh Tịch Tĩnh  
Trí Tuệ không sợ hãi  
Đem **giới luật** (Vinaya) nghiêm thân  
Tinh tu **Bí Mật Thừa** (Guhya-yāna)  
Kính y **Lý Thú Đạo** (Naya-pātha)  
Một lòng không chỗ khác  
Thường vui nghe **Diệu Pháp** (Saddharma)  
Tùng vào **Tam Muội Gia** (Samaya)  
Theo Thầy được **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)  
Được việc ấn khả xong  
Chẳng bao lâu sẽ thành tựu  
Đệ Tử đủ tướng này  
Mới có thể truyền thụ  
Đây tức Báu Như Ý



Tiếp, nên quỳ gối bên phải sát đất, chấp tay Phù Dung đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân tất cả Như Lai với Bồ Tát.



Mật Ngôn là:

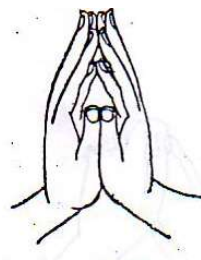
**Án – Bát đầu ma – Vi**

ॐ पद्म वी

ॐ OM PADMA VIH

Lễ Chư Phật xong, tùy ý ngồi theo thể Toàn già, Bán già hoặc Luân Vương già.

Tác Tọa Án này xong  
Quán Phật khắp hư không  
Tự thân đều ở trước  
Trụ chúng Thánh hội kia  
Chỉ Quán (2 bàn tay) từ trên gối  
Xoay múa hợp ngang tim  
Như hoa sen chưa nở



Tưởng lễ nơi Chư Phật

Tiếp, kết Tam Muội Gia  
Buộc bên chắc ngang tim  
Dựng Đản Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)  
**Kim Cương Liên Hoa Án**



Thông bậc cầm hoa sen  
Cảnh giác chúng Thánh xong  
Tụng Mật Ngôn này là:  
**Án – Bạt nhật la bát đầu-ma tam ma gia, tát-đát-noan**

ॐ वज्र पद्म समय च्छ

ॐ OM VAJRA-PADMA SAMAYA STVAM

Do kết Án này nên

Phật với **Thiện Thệ Tử** (Sugata-putra: Con của đấng Thiện Thệ)

Các bậc **Đại danh xưng** (Mahā-yaśa)  
Diệu quán sát nhiếp thọ  
Nhớ lại Thệ Nguyện xưa  
Đối trước **BIÊN CHIẾU TÔN** (Vairocana-nātha)  
Chẳng dám ngược Giáo Lệnh  
Gia trì khiến viên mãn

Tiếp, kết **NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI AN LẠC DUYỆT Ý HOAN HỖ  
TAM MUỘI GIA AN**

Buộc mười ngón bên chắc  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp giao giữa  
Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiền Trí (2 ngón cái)  
Đều hợp nhau dựng đứng



Mật Ngôn là:

**Án – Tam ma gia, hô, Tô la đá, Tát-đát-noan**

ॐ स म य ा ह ो सु र त ा स् त व ा म

ॐ OM SAMAYA HOH SURATA STVAM

Do kết **Án** ấy nên

Chư Phật và Bồ Tát

Tất cả **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Thấy đều rất vui vẻ

Tiếp, nên mở cửa tâm

Vào chữ **Kim Cương Trí** (Vajra-jñāna)

Quán ở trên hai vú

Phải: **ĐÁT LA** (ॐ:TRĀ) Trái: **TRA** (ॐ:T)

Như cánh cửa Cung Thất

**Kim Cương Phộc** thù thắng



Ba nghiệp đồng thời phát

Vỗ tim mở hai chữ

Mật Ngôn là:

**Án – Bạt nhật la mãn đà đát la tra**

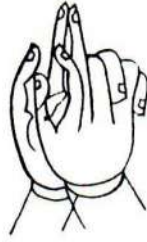
ॐ व र ष ड ष ड ष ड

ॐ OM VAJRA BANDHA TRĀT

Ươm hạt từ Vô thủy

Gom chứa bao trần lao

Nay dùng **Triệu Tội Ấn**  
Gom lại đập nát hết  
Buộc mười ngón bèn chắc  
Duỗi Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như Kim  
Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội  
Tưởng dạng mọi tội ấy  
Lộ hình đen như tóc  
Ngược ấn khắc nơi tim  
Chạm xong, tụng Mật ngữ  
Tương ứng với ba nghiệp  
Hay triệu các tội chừa  
Tụng **triệu tập** này xong  
Mới làm Pháp Tội phá  
Mật Ngôn là:

**Ấn – Tát bà bá ba ca lý sai noa, vĩ thâu đà ná, tam ma gia, bạt nhật-la, Hồng  
nhược**

ॐ स ह् च्चक्र धम (सकृद न सम्य वक्र ह् ह्  
ॐ OM\_ SARVA PĀPA AKARṢAYA VIŚODHANA SAMAYA VAJRA  
HŪM JAḤ

Triệu vào bàn tay xong  
Mới làm Pháp Tội phá  
Ấn trước cùng cài trong  
Xung **Hàm** (ॐ:HŪM) cột các tội  
Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng  
Có chữ **Đát-La tra** (ॐ- TRĀṬ)



Tưởng làm chày Kim Cương  
Cùng vỗ như phá núi  
**Phần cú và nội hình**  
Hay tĩnh các nẻo ác  
Tụng xong, Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) vỗ  
Hai mươi một (21) tùy **Nghi** (nghi tắc)  
Mật Ngôn là:

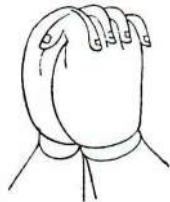
**Án – Bạt nhật la bá ni vĩ toa phổ tra dã – Tát đá bá da mãn đà ná nễ bát-la mẩu cật-sái dã – Tát bà bá dã nghiệt để tỳ-dược - Tát bà đát mạn – Tát bà đát tha nghiệt đa ,bạt nhật-la tam ma gia – Hồng đát-la Tra**

**ॐ वज्रफणि वज्रलय मत् पय वज्रजल समलय मत् पयय त्रः  
मत् मव म् मत् गयतग वज्र समय ह्र ह्र**

**ॐ OM\_ VAJRA-PĀṆI VISPHOTAYA SARVA PĀYA BANDHANĀNI  
PRAMOKṢAYA - SARVA PĀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MĀM  
- SARVA TATHĀGATA VAJRA SAMAYA HŪM TRĀṬ**

Dùng Môn tương ứng này  
Phật xưa phương tiện nói  
Ba nghiệp gom chứa tội  
Vô lượng chướng cực nặng  
Làm tội diệt này xong  
Như lửa đốt cỏ khô  
Hữu tình thường ngu mê  
Chẳng biết lý thú này  
Vì Như Lai Đại Bi  
Mở môn Bí diệu này

Tiếp, nên kết **Nhập án**  
Trong chữ **Như Lai Trí** (Tathāgata-jñāna)  
Hai tay buộc bền chắc  
Thiền Trí (2 ngón cái) vào ở trong  
Đem hai độ Tiên Lực (2 ngón trỏ)  
Vịn nhau như cái vòng



Quán sen tám cánh trước  
Trên đó đặt chữ **A (ॐ)**  
Vì hai điểm nghiêm sức  
Chữ diệu mới là **Ác (ॐ :AḤ)**  
Màu trắng như Kha Tuyết  
Phóng tỏa ngàn hào quang  
Tường dùng chi Tiên Lực (2 ngón trỏ)  
Niệm chữ an trong tim  
Ba nghiệp đều vận dụng  
Tụng Mật Ngôn này là:  
**Án – Bạt nhật la , phé xá , Ác**  
**ॐ वज्र म् (ॐ) ॐ**  
**ॐ OM\_ VAJRA AVISA AḤ**

Đã tưởng vào trong tim  
**Tướng chữ** vượt quang diệu  
Đây tức Pháp Giới Thể

Hành giả nên quán thấy  
 Chẳng lâu ngộ Tịch Tĩnh  
 Pháp vốn chẳng hề sinh  
 Các Như Lai ba đời  
 Thân Khẩu Ý Kim Cương  
 Điều dùng phương tiện diệu  
 Giữ tại Kim Cương Quyền  
 Dùng dây đóng cửa tâm  
**Chữ Trí** được bền chắc  
 Liên co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)  
 Trú ở lưng Thiên Trí (2 ngón cái)



Dem Ấn chạm ức ngực  
 Liên tụng **Diệu ngôn** này  
**Ấn – Bạt nhật-la mẫu sắt trí Hàm**  
 ॐ वज्रमुष्टिं  
 ॐ OM\_ VAJRA-MUṢṬI VAṂ

Hành Giả trụ **Đẳng Dẫn** (Samāhita)  
 Hai tay buộc bền chắc  
 Ngửa đặt ở dưới rốn  
 Thiên Trí (2 ngón cái) hình cánh sen  
 Dây gọi **Tam Muội Ấn** (Samādhi-mudra)



Tụng Mật Ngôn này là:  
**Ấn - Tam ma địa Bát đầu-mê hột-ly**  
 ॐ समधे पद्मे ह्रीं  
 ॐ OM\_ SAMĀDHI PADME HRĪḤ

Thờ ra và thờ vô  
 Trú A NA BA NA (Anapanna)  
 Tương Phật khắp Hư không  
 Búng tay cảnh giác Ta  
*Phật Tử (Buddha-putra)! Ngươi làm sao*  
*Thành Vô thượng đẳng giác*  
*Chẳng biết các Như Lai*  
*Diệu Pháp của thật tướng*  
 Đã nghe cảnh giác xong  
 Hành Giả lại bạch rằng  
 “*Thế nào là chân thật?*”  
*Nguyện TỐI THẮNG TÔN nói”*  
 Chư Phật đều vui vẻ

Tác Thắng Ngôn như vậy:  
 “Lành thay! Ma Ha Tát (Mahā-satva)  
 Hay tác hỏi như vậy  
 Người tưởng ở trong Tim  
 Có chứa Ác Tự Môn (𑖀:A.)  
 Dùng chữ thấu suốt Tâm  
 Tụng Mật Ngôn này là:  
**Án – Chỉ đa bát-la để Vị năng ca lộ nhĩ**  
 ॐ 𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡𑅢𑅣𑅤𑅥𑅦𑅧𑅨𑅩𑅪𑅫𑅬𑅭𑅮𑅯𑅰𑅱𑅲𑅳𑅴𑅵





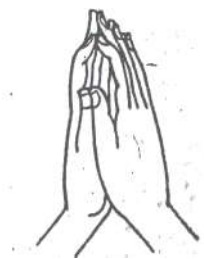
Thứ hai, tay cầm sen  
 Hay tĩnh các **Phi Pháp**  
 Thứ ba, tay cầm Luân (bánh xe)  
 Hay chuyên Pháp Vô Thượng  
 Sáu tay: QUẢNG BÁC THÊ (Thê rộng lớn )  
 Hay dạo chơi sáu nẻo  
 Dùng **phương tiện Đại Bi** (Mahā-kāraṇa-upāya)  
 Chặt các khổ Hữu tình  
 Hành Giả quán như vậy  
 Ngồi ở trong vành trăng  
 Thân tuôn ngàn hào quang  
 Đỉnh, lưng: hào quang tròn  
 Lại tưởng vành trăng tim  
 Cũng có hoa sen báu  
 Dùng đấy hay kiên cố  
 Không động quán thân mình  
 Vì lia các vọng tưởng  
 Tụng Mật Ngôn này là:

**Án – Ngật-lý trà để sắt xá la đất na bạt nhật-la bát đầu-ma đất ma cú hàm,  
 tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm – Tát bà đất tha nghiệt đa ty Tam bồ địa  
 la đất ná bạt nhật-la bát đầu-ma đất ma cú hàm**

ॐ ह्रीं (ॐ) इ व वज्र पद्म मय्यक्तं सम्यक्तं मज्जसम्यक्तं मद्  
 नमो नमो नमो नमो नमो इ व वज्र पद्म मय्यक्तं

ॐ OM\_ DRDHA-TIṢṬA RATNA-VAJRA-PADMA ATMAKA-UHAM  
 SAMAYA-UHAM MAHĀ-SAMAYA-UHAM - SARVA TATHĀGATA  
 ABHISAMBODHI RATNA-VAJRA-PADMA ATMAKA UHAM

Dùng Pháp này gia trì  
 Mười độ hợp PHÙ DUNG  
 Co Tiên Lục (2 ngón trở) như báu



Án: tim, trán, họng, đỉnh  
 Tưởng chữ HỒNG (ॐ :HŪM) ở tim  
 ĐÁT LA (ॐ :TRĀḤ) an ở trán  
 HỘT-LÝ (ॐ :HRĪḤ) trên cổ họng  
 Để chữ ÁC (ॐ :AḤ) ở đỉnh  
 Do đặt bày tưởng này  
 Thân này như Kim Cương  
 Lại tụng Mật ngôn này  
 LIÊN HOA NGŨ làm tiếng  
**Án – La đất ná bạt nhật-la đất ma, Hộ-t-lý**  
 ॐ इ व वज्र पद्म ह्रीं  
 ॐ OM - RATNA-VAJRA DHARMA HRĪḤ

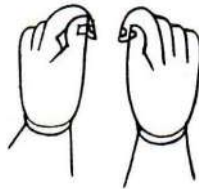
Tiếp, nên kết QUÁN ĐỈNH  
 Bạc Trí hợp LIÊN CHUỖNG  
 Tiên Lục (2 ngón trỏ) như hình bâu  
 Đàn Tuệ (2 ngón út) mở gần nhau  
 Đặt trán tụng Mật Ngôn  
 Tâm tưởng Phật quán đỉnh

**Án – Bát đầu ma bát cú chi đa chi, la đát na bát đầu-ma ty sai ké la ty sãn giả  
 Hàm, đát lạc**

ॐ पद्मं कृत्वा नृत्तं त्रैलोक्यं पद्मं पद्मं पद्मं पद्मं ॐ

ॐ OM\_ PADMA-BHRKUṬI TĀRE RATNA-PADMA ABHIṢAIKĀYA  
 ABHIṢIMCA MĀM\_ TRĀH

Liên dùng Diệu Án này  
 Hai tay chia hai bên  
 Như buộc vòng hoa sen

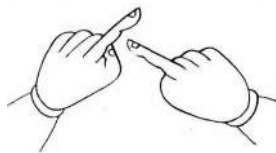


Từ từ hạ xuống bụng  
 Tưởng thể rũ giải lụa  
 Tụng Diệu Ngôn này là  
**Án – Bát đầu ma, ma lệ, Hàm, Hột lý, đát lạc**

ॐ पद्मं मालं मम - ह्रीं त्रैलोक्यं

ॐ OM\_ PADMA-MĀLE MĀM - HRĪH TRĀH

Tiếp, nên kết GIÁP KHẢI (Áo giáp)  
 Hai tay Liên Hoa Quyền (Padma-muṣṭi)



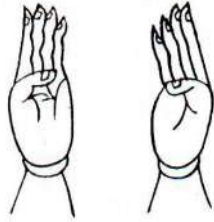
Từ tim ràng đến lưng  
 Từ lưng ràng ngay rón  
 Hướng eo với hai gối  
 Lên dần ràng sau não  
 Từ sau cổ, ngang họng  
 Lại ràng ở sau cổ  
 Quay lại đến trên trán  
 Lui về sau đỉnh ràng  
 Dần dần hạ xuống bụng  
 Tụng Bí Mật Ngôn này:

**Án – A bà duệ bát đầu ma, ca phộc chế, mãn đà, la cật-sái, hàm, Hồng hàm**

ॐ अबादुयेषाठ्ठामाकाफुषेचैमन्दालाचत्सायहामहोमहाम

ॐ OM\_ ABHAYE-PADME-KAVACE BANDHA RAKṢA MĀM\_ HŪM  
 HAM

Vì làm vui Chư Phật  
Nên vẽ **LIÊN HOA ÁN** (Padma-mudra)  
Hai tay kết **LIÊN CHUỖNG**  
Khéo vẽ khiến vui vẻ



Mật Ngôn là:  
**Án – Bát đầu-ma đồ sử ,hồ**  
**ॐ पद्म तुष्य ङ**  
ॐ OM\_ PADMA TUṢYA HOḤ

Tưởng ở trước thân mình  
Quán **HỘT LÝ TỰ MÔN** (𑖀𑖃𑖡𑖩)  
Biến thành **LIÊN HOA VƯƠNG** (Padma-rāja)  
Giữa có chữ **HỘT LÝ** (𑖀𑖃𑖡𑖩 :HRĪḤ)  
**ĐÁT LA** (𑖀𑖣𑖩 :TRA) an hai bên  
Làm Kim Cương bảo liên (sen báu Kim Cương)  
Cộng biến làm sở Tôn  
Cầm báu Diệu Chân Đa  
Như trước Quán thân mình  
Nay **SỞ QUÁN** cũng vậy  
Vì khiến **THÊ** không hai  
Tiếp, tác Pháp **HỒ TRIỆU**  
Mười độ (10 ngón tay), sen chưa nở  
Tiến Lược (2 ngón trỏ) như móc câu



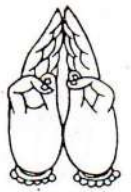
Liên tụng Mật Ngữ này  
Nên làm **LIÊN HOA ÁM** (Padma-svara)  
**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na năng cú xả hồng**  
**ॐ पद्मञ्जनाङ्गुलिहस्ता**  
ॐ OM\_ PADMA-JĀNA AMKUṢA HŪM

Hành Giả đã triệu xong  
Tiếp nên kết **Sách Án**  
Như trước hợp **LIÊN CHUỖNG**  
Tiến Lược (2 ngón trỏ) vịn như vòng  
Đây tên: **LIÊN HOA SÁCH** (Padma-pāśa)



Hay mãn các ý nguyện  
 Nên tụng Mật Ngôn này  
 Triệu vào ở TRÍ THÂN  
**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na , mẫu già bả xả, Hồng**  
**ॐ पद्मकुण्डलम् ॐ**  
 ॐ OM\_ PADMA-JÑĀNA AMOGHA-PĀŚA HŪM

Đã vào ở Trí Thân  
 Vì khiến không lay động  
 Lại nên kết LIÊN TỎA (Padma-Sphoṭa)  
 Nên tác tâm quyết định  
 Như trước hợp Liên Chương  
 Tiến (ngón trở phải) Thiên (ngón cái phải) vịn như vòng  
 Lược (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) cũng như vậy  
 Cùng kết như Câu Tỏa (móc khóa)



**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na, tắc-bồ tra, Hồng**  
**ॐ पद्मकुण्डलम् ॐ**  
 ॐ OM\_ PADMA-JÑĀNA SPHOṬA HŪM

Vì khiến rất vui vẻ  
 Kết LIÊN HOA LINH ÁN (Padma-ghaṃta-mudra)  
 Nên đem hoa sen dâng  
 Thiên Trí (2 cái) vào trong chường  
 Tiến Lược (2 trở) như cái vòng

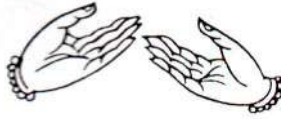


Tụng Bí Mật Ngũ này  
**Án – chỉ-nhạ ná bát đầu-ma, vĩ xả gia, Hồng**  
**ॐ कुण्डलपद्मम् ॐ**  
 ॐ OM\_ PADMA-JÑĀNA AVISAYA HŪM

Tiếp, nên tụng LIÊN HOA BÁCH TỰ MẬT NGÔN dâng hiến vật khí **Át Già** (Ārga). Đem nước thơm Uất Kim, Long Não, Bạch Đàn dâng lên cúng dường

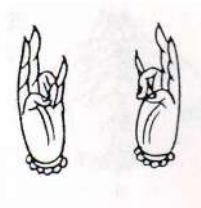


Tiếp nên dùng CA ẮN (Gīta-mudra)  
Phụng hiến Bạc TRÍ LIÊN (Jñāna-padma)  
Lại dùng Diệu Ắn trước  
Co chường trụ các Độ (các ngón tay)  
Từ rón dần đến miệng  
Buông xuống như viết chép



Tương âm Khẩn Na La (Kṁnara)  
Cúng dường các Thánh Giả  
Mật Ngôn là:  
**Ắn – Chỉ-nhạ ná , bát đầu-ma nghê đế – Hồng”**  
ॐ ॐ न न प श नी ग ह्  
☞ OM\_ JÑĀNA- PADMA GĪTE HŪM

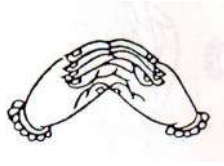
Tiếp, nên kết VŨ ẮN (Nṛtye-mudra)  
Ắn trước chuyển trái, phải  
Chấp Phù Dung diệu chường  
Đặt trên đỉnh đầu, buông



Do **bốn Cúng Dường** đây  
Hay đượ Đại Thần Thông  
Mật Ngôn là:  
**Ắn – Chỉ-nhạ ná , bát đầu-ma nễ-lật đế , Hồng**  
ॐ ॐ न न प श नृ ग ह्  
☞ OM\_ JÑĀNA- PADMA NṚTYE HŪM

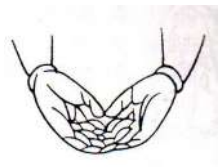
Tác **bốn cúng dường** này  
Hay thành việc tối thắng

Tiếp, kết **NGOẠI CÚNG DƯỜNG**  
Tâm vui vẻ dâng hiến  
Vận tâm không biên giới  
**LIÊN HOA PHẦN HƯƠNG (Padma-dhūpa)** Pháp  
Chư Phật chân thành nói  
Vì lợi các Hữu tình  
Liên Chường hương xuống, buông  
Giống như thế đốt hương



Tụng Bí Mật Ngôn này  
 Tưởng mây hương cúng dường  
 Vòng khắp Hư không giới  
 Cúng dường các Thánh chúng  
**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná độ bé , ác**  
 ॐ पद्मं कुम्भं नमो भूते  
 ॐ OM\_ PADMA-JÑĀNA DHŪPE AH

Tiếp nên kết HOA ÁN (Puṣpa-mudra)  
 Dùng ba mươi hai tướng  
 Trang nghiêm các Như Lai  
 Quán mây hoa diệu sắc  
 Vận tâm tràn tất cả  
 Như trước chấp LIÊN CHUỖNG  
 Trên rải như tán hoa



Với các **Thiện Thệ Tử**  
 Tưởng đầy Hư không giới  
 Mây hoa thơm phưng phức  
 Cây báu (kiếp thụ) rất trang nghiêm  
 Tụng Bí Diệu Ngôn này  
 Ba nghiệp đều vận dụng  
**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná bồ sát bé , Hồng**  
 ॐ पद्मं कुम्भं नमो भूते  
 ॐ OM\_ PADMA-JÑĀNA PUṢPE HŪM

**Vô Minh** (Avidya) che chúng sinh  
 Là ánh sáng Trí Tuệ  
 Vì làm Tỉnh Trừ ấy  
 Nên kết TRÍ ĐĂNG ÁN (Jñāna-āloke-mudra)  
 Dùng Liên Hoa Chương trước  
 Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dựng nghiêng



Tâm tưởng đèn Ma Ni  
 Chiếu khắp Hư Không Giới  
 Tuôn vô lượng ánh sáng





नमो रत्न-त्रये ॐ बद्धवज्रं (बद्धमम) मन्त्रपद्मे रुरु (गुरु) ह्व  
शुभ्रय ॐ ह्रस्व ॐ ह्रस्व

☞ NAMO RATNA-TRAYĀYA  
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-  
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA  
TADYATHĀ: OM CAKRA-VARTTI-CINTĀMAṆI MAHĀ-PADME RURU  
TIṢṬA JVALA AKARṢAYA HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Tiếp, kết TÂM BÍ MẬT  
Y Căn Bản Ấn trước  
Buộc Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)  
Tên là BẢN TÂM ẤN



Tất cả các ý nguyện  
Ứng theo niệm của Tâm  
Do kết Ấn này nên  
Thảy đều được thành tựu  
Mật Ngôn là:  
**Ấn – Bát đầu mê chân đá ma nê nhập phộc la Hồng**  
ॐ पद्मं (बद्धमम) ह्रस्व ॐ  
☞ OM\_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪM

Tiếp, kết TÙY TÂM ẤN  
Hai tay buộc bền chắc  
Tiền Lực (2 ngón trỏ) hình MA NI  
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi  
Giới Phương (2 vô danh) cũng duỗi thẳng  
Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng chéo nhau



Tụng TÂM TRUNG TÂM này  
**Ấn phộc la ná bát đầu mê Hồng**  
ॐ वारु पद्मे ॐ  
☞ OM\_ VARADA PADME HŪM

Tiếp, tưởng trong miệng TÔN  
Tuôn ra lời Bí Mật  
Rõ ràng thành TỰ ĐẠO (con đường đầy chữ)  
Ngũ sắc quang chiếu diệu

Màu thù thắng xen kẽ  
Vào trong miệng DU KỶ (Yogi: người tu Du Già)  
Bày trong vành trăng tim  
Trong như pha lê hồng  
Mỗi mỗi suy tư kỹ  
Thuận lý tùy giác ngộ  
Trú định mà tu tập

Nhập vào A TỰ MÔN (𑖀)  
Liên vào LUÂN TỰ QUÁN  
Đều quán khắp các chữ  
Đây tên TAM MUỘI NIỆM  
Được Trí với giải thoát  
Do sự tương ứng này  
Chẳng lâu thành Chứng Trí

Nếu ngay tiếng thuận niệm  
Tối thắng diệu kỳ đặc  
Trụ ở BẢN TÔN QUÁN  
Tâm chẳng nên nóng vội  
Chẳng cao cũng chẳng thấp  
Chẳng chậm cũng chẳng gấp  
Bậc Trí lia phân biệt  
Vớ các Tâm vọng tưởng  
Nếu tụng Lạc Xoa Biến (100.000 biến)  
Mong cầu đều **Tất Địa** (Siddhi: Thành tựu)  
Hai tay cầm tràng hạt  
Pha Trí với hạt sen  
Loa Châu với báu khác  
Sáng đẹp không tỳ vết  
Nên xuyên trăm lỗ tám  
Mỗi hạt tụng bảy biến  
TÂM với TÂM TRUNG TÂM  
Vớ TỶ CẦU (Bhṛkuṭi) ĐA LA (Tārā)  
Tác Pháp này gia trì  
Xỏ xâu **châu man** xong  
Ngay tim mỗi một độ  
Cùng SA HA (Svāhā) tê thanh (đồng âm thanh)  
Một ngàn trăm tám biến  
Tùy sức mà niệm tụng  
Bốn thời hoặc ba thời  
Pháp này sau đêm THẮNG  
Trong Kinh NHƯ Ý LUÂN  
BẢN GIÁO, Phật đã nói  
Nếu tu tập như vậy  
Đời này chứng SỞ ĐỊA  
Qua mườisáu đời sau  
Thành VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ  
Huống chi THẾ TẤT ĐỊA (Loka-siddhi: thành tựu việc thế gian)



Mau lia sự tán loạn  
Chẳng tính các chuyện đời  
Niệm xong phát thệ nguyện  
Kết TAM MUỘI GIA ẤN (Samaya-mudra)  
Lễ Phật Bồ Tát xong  
Tùy ý mà **kinh hành** (Caṅkramana)

Do đây tích phước nghiệp  
Sức Bản Nguyện Giải thoát  
Hay khiến các Hữu tình  
Mau được NHẤT THIẾT TRÍ (Sarva-jñā)  
Bốn câu Nguyện trên đây  
**Kim Cương nghi quỹ** thuật  
Vì lợi cho chúng sinh  
Nay Ta đồng kết tập

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT DU GIÀ PHÁP YẾU  
\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 24/06/2011